

Bản án số: 101/2018/DS-PT

Ngày: 24 - 5- 2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên

Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Hữu

Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLPT-DS ngày 28/02/2018 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Lê Hồng N, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

+ Bà Lê Hồng N, sinh năm 1957.

+ Bà Lê Hồng N1, sinh năm 1951.

+ Bà Lê Hồng T, sinh năm 1950.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà T: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965

+ Bà Lê Hồng H, sinh năm 1962.

+ Bà Lê Mỹ L (Lê Thị H), sinh năm 1966.

+ Bà Lê Hồng T1, sinh năm 1970.

+ Ông Lê Kim T (Lê Thành T), sinh năm 1973.

+ Bà Ngô Thị N, sinh năm 1961.

+ Bà Trần Thị K, sinh năm 1954.

+ Chị Lê Hồng N2, sinh năm 1983.

+ Anh Lê Thanh N, sinh năm 1985.

+ Anh Lê Thanh H, sinh năm 1988.

+ Ông Tàu Thanh T, sinh năm 1971.

+ Anh Tàu Tấn L, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Lê Hồng Y, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Huỳnh Hải N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số Z, Khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Bà Lê Hồng N – bị đơn

Bà B, bà N, ông M, bà K có mặt, những người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Ngọc B trình bày: Bà khởi kiện yêu cầu bà N trả lại quyền sử dụng đất phân đất tranh chấp có diện tích $29,76m^2$ có kích thước, vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông (theo bản vẽ thuộc điểm PM4) dài 6,4m tiếp giáp bức tường ông Trần Văn S; Hướng Tây điểm (theo bản vẽ thuộc điểm M5M6) dài 6,4m tiếp giáp đất của Bà B; Hướng Nam (theo bản vẽ thuộc điểm M4M5) dài 4,8m tiếp giáp đất của Bà B; Hướng Bắc (theo bản vẽ thuộc điểm M6P) dài 4,5m tiếp giáp nhà đất của bà Lê Hồng N - Là một phần trong $138,2m^2$ đất thuộc thửa số 133, tờ bản đồ số 1^A tọa lạc ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp quyền sử dụng cho ông Huỳnh Hải N theo quyết định số 408/QĐUB ngày 16/5/1990.

Ngày 20/01/1992 ông N sang nhượng thửa đất số 133 cho bà Trần Thị K, việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay, có chính quyền địa phương xác nhận, sau đó bà K cho lại con là Bà B. Sau này để hợp thức hoá quyền sử dụng Bà B tiến hành ký hợp đồng sang nhượng quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 133 nêu trên với ông N. Khoảng năm 2006 bà N xây tường, lấn chiếm $29,76m^2$ đất nêu trên dẫn đến tranh chấp.

Tại Toà bà yêu cầu buộc bà N và những người liên quan hoàn trả 29,76m² quyền sử dụng đất chiếm dụng nêu trên lại cho bà.

Bà Lê Hồng N trình bày: Bà N thống nhất với trình bày của B về kích thước, vị trí, hiện trạng đất tranh chấp.

Năm 1968 cha bà là ông Lê Kim T sang nhượng đất của ông Trần D, phần sau hậu tiếp giáp phần đất tranh chấp có hiện trạng là vũng nước đầm lầy bỏ hoang những hộ xung quanh dùng làm bãi rác. Từ năm 1972 đến năm 1975 có nhiều gia đình đến đây cất nhà ở tạm sau đó bỏ đi, sau năm 1975 gia đình bà bắt đầu lấy phần đất tranh chấp để sử dụng và bồi đắp qua nhiều năm. Năm 1990 cha bà ông Lê Kim T được cấp quyền sử dụng đất có diện tích 106,6m² là phần đất nhận sang nhượng của ông Trần D. Khi nhà nước cấp đất không cấp phần sau hậu đất ngay vị trí tranh chấp nên bà có liên hệ Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm hỏi và được trả lời *“trong giấy tờ là vậy, phần đất dư phía sau hậu bà cứ sử dụng, khi nào nhà nước cần trưng dụng nhà nước sẽ thu hồi, khỏi mất công làm giấy lại”*. Từ đây gia đình bà không khiếu nại gì về việc cấp quyền sử dụng đất. Trên vị trí đất tranh chấp trước đây bà làm hàng rào bằng cây, năm 2006 xây lại bằng tường bà Kvẫn không ngăn cản còn ra chỉ ranh, yêu cầu bà chừa đường mương thoát nước.

Nay bà xác định đất tranh chấp không phải của ông N và Bà B nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Bà B.

Về phần thủ tục, bà N xác nhận:

- Năm 2006, bà K tranh chấp đất với bà tại địa phương, UBND xã Quách Phẩm hòa giải nhưng không thành.

- Cha mẹ bà là cụ Lê Kim T và cụ Võ Thị H có 10 người con gồm: bà Lê Hồng T, bà Lê Hồng N1, ông Lê Hoàng A (đã chết), bà Lê Hồng N, ông Lê Hoàng E, ông Lê Thanh B (đã chết), bà Lê Hồng H, bà Lê Thị H, bà Lê Hồng T, ông Lê Kim T. Đối với ông Lê Hoàng E đang định cư bên nước Mỹ (Hoa Kỳ) đã nhiều năm nay không biết địa chỉ và không liên lạc được. Đối với ông B (chết năm 2007) có vợ là bà Ngô Thị N có 05 người con tên: Lê Hồng T (chết năm 2011), Lê Hồng N, Lê Thanh N, Lê Thanh H và Lê Hồng Y.

Tại giấy ủy quyền ngày 12/10/2004 cụ Võ Thị H và 10 người con thống nhất để lại phần đất cụ H đang sinh sống cho bà Lê Hồng N quản lý, sử dụng diện tích đất do ông T đứng tên 106,6m², không có ủy quyền quản lý phần đất tranh chấp vì của Nhà nước.

Ông Huỳnh Hải N trình bày: Toàn bộ 138,2m² đất thuộc thửa số 133, tờ bản đồ số 1^A tọa lạc ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau ông là chủ sử dụng nhưng đã sang nhượng cho Bà B nên là tài sản của Bà B, không có yêu cầu gì tại vụ án.

Bà Trần Thị K, ông Tàu Thanh T và anh Tàu Tấn L trình bày: Thống nhất với nội dung và yêu cầu của Bà B.

Bà Lê Hồng T, bà Lê Hồng N1, bà Lê Hồng H, Lê Mỹ L, bà Lê Hồng T1, ông Lê Kim T, bà Ngô Thị N, chị Lê Hồng N, anh Lê Thanh N, anh Lê Thanh H, chị Lê Hồng Y trình bày: Thống nhất với nội dung và yêu cầu của bà N.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc B về việc đòi lại diện tích đất 29,76m² tọa lạc ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Buộc bà Lê Hồng N, bà Lê Hồng T, bà Lê Hồng N1, bà Lê Hồng H, Lê Mỹ Ly, bà Lê Hồng T1, ông Lê Kim T, bà Ngô Thị N, chị Lê Hồng N, anh Lê Thanh N, anh Lê Thanh H, chị Lê Hồng Y có nghĩa vụ trả lại cho Bà B diện tích đất 29,76m² tọa lạc ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do ông Huỳnh Hải N đứng tên quyền sử dụng, đất có các phía tiếp giáp:

Hướng Đông điểm PM4 dài 6,4m tiếp giáp bức tường của ông Trần Văn S;

Hướng Tây điểm M5M6 dài 6,4m tiếp giáp đất của Bà B;

Hướng Nam điểm M4M5 dài 4,8m tiếp giáp đất của Bà B;

Hướng Bắc điểm M6P dài 4,5m tiếp giáp nhà đất của bà Lê Hồng N;

- Buộc bà Lê Hồng N, bà Lê Hồng T, bà Lê Hồng N1, bà Lê Hồng H và bà Lê Hồng T di dời toàn bộ vật kiến trúc, cây trồng có trên đất để trả đất cho Bà B.

(Có sơ đồ đo đạc, thẩm định đất tranh chấp ngày 04/5/2017 kèm theo)

2. Bà Nguyễn Ngọc B có nghĩa vụ trả lại công sức, thành quả lao động, tôn tạo, giữ gìn và bồi đắp trên đất cho bà Lê Hồng N, bà Lê Hồng T, bà Lê Hồng N1, bà Lê Hồng H và bà Lê Hồng T số tiền 8.928.000 đồng (tám triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn chi phí đo đạc, án phí và thông báo cho các đương sự biết quyền kháng cáo theo qui định chung.

Ngày 25/01/2018 bà Lê Hồng N kháng cáo không đồng ý với quyết định án sơ thẩm về việc buộc bà và các thừa kế của ông Lê Kim T trả quyền sử dụng đất tranh chấp cho Bà B. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại vụ kiện theo hướng bác đơn kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà N bảo lưu nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa bà N vẫn bảo lưu nội dung kháng cáo, căn cứ kháng cáo bà xác định đất tranh chấp là đất công thổ, gia đình bà bao chiếm từ năm 1990 và quản lý, sử dụng liên tục đến năm 2016 thì phát sinh tranh chấp, nên yêu cầu không chấp

nhận khởi kiện của nguyên đơn, giữ y hiện trạng sử dụng đất cho gia đình bà. Nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bà N, yêu cầu giữ y án sơ thẩm.

[2] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát: Kháng cáo của bà N không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ ý án sơ thẩm.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về thủ tục: Phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là một phần của thửa 133, tờ bản đồ số 01^A diện tích 138,2m² ông Huỳnh Hải N được cấp quyền sử dụng theo quyết định số 408/QĐUB ngày 16/5/1990 và được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp giấy chứng nhận ngày 22/12/1990. Năm 1992 ông N chuyển nhượng cho bà Trần Thị K toàn bộ diện tích đất nêu trên, hai bên đã giao tài sản và thanh toán tiền xong, hiện không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng. Ông N với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan đã uỷ quyền cho Bà B đại diện tham gia tố tụng, được toàn quyền quyết định các nội dung vụ việc liên quan. Bà K cũng nhận đã cho lại con gái là B đất chuyển nhượng của ông N. Nên Bà B, bà K, ông N có quyền lợi không đối lập. Án sơ thẩm chấp nhận Bà B là nguyên đơn khởi kiện đòi quyền sử dụng đất ông N chuyển nhượng là không sai.

Về nội dung: Nguồn gốc, vị trí, diện tích đất tranh chấp và đất liền kề liên quan đến đất tranh chấp.

Nguồn gốc đất của bà N đang quản lý, sử dụng: Là của cụ Lê Kim T và cụ Võ Thị H sang nhượng của ông Trần D ngày 24/6/1969 theo bản đồ hiện trạng do Toà án trung cầu đo đạc thể hiện hình tứ giác M1M2PM6, diện tích thực tế bằng 120,84m² có vị trí tứ cận:

Hướng Đông (điểm M2P) dài 29,6m giáp tường ông Trần Văn S; Hướng Tây (điểm M1M6) dài 29,6m giáp tường nhà ông Tạ Hoàng S; Hướng Nam (điểm M6P) dài 4,5m tiếp giáp đất tranh chấp; Hướng Bắc (điểm M1M2) dài 4,0m tiếp giáp lộ xi măng;

Đất do cụ Lê Kim T đứng tên đăng ký quyền sử dụng được cấp ngày 22/12/1990 diện tích là 106,6m² thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 01^A kể cả diện tích đất thực tế vẫn nằm ngoài diện tích đất tranh chấp.

Nguồn gốc đất của Bà B đang quản lý, sử dụng: Là một phần trong diện tích của ông Huỳnh Hải N sang nhượng cho bà Trần Thị K năm 1992, theo đo đạc thực tế có hình thể là lục giác bao gồm các điểm QM6M5M4Q2Q1, diện tích bằng 81,5m² có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông điểm M6M5 dài 6,4m tiếp giáp đất tranh chấp và điểm M4Q2 dài 0,8m tiếp giáp đất ông Trần Văn S;

Hướng Tây điểm QQ1 dài 7,8m tiếp giáp lộ xi măng; Hướng Nam điểm Q1Q2 dài 14,9m tiếp giáp nhà đất bà K; Hướng Bắc điểm QM6 dài 10,8m tiếp giáp nhà đất ông Tạ Hoàng S và điểm M5M4 dài 4,8m tiếp giáp phần đất tranh chấp.

Vị trí đất tranh chấp: Hướng Đông điểm PM4 dài 6,4m tiếp giáp bức tường ông Trần Văn S; Hướng Tây điểm M5M6 dài 6,4m tiếp giáp đất của Bà B; Hướng

Nam điểm M4M5 dài 4,8m tiếp giáp đất của Bà B; Hướng Bắc điểm M6P dài 4,5m tiếp giáp nhà đất của bà Lê Hồng N; diện tích thực tế là 29,76m², đối chiếu với bản đồ địa chính phần đất này thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 01^A như đã nêu trên.

So sánh kết quả đo đạc, định vị thực tế của Bà B, bà N trình bày, thấy rằng: Bà N đang quản lý sử dụng phần đất có diện tích thực tế bằng 150,6m² là dư 44m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất Bà B quản lý phần đất có diện tích thực tế bằng 81,5m² thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 56,7m² và đất tranh chấp diện tích 29,76m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N sang nhượng cho bà K, Bà B.

Kết quả xác M quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp: Là một phần trong diện tích đất mà trước năm 1975 ông Ba A là người quản lý sử dụng. Sau khi giải phóng năm 1975 sang nhượng lại cho mẹ ông N và giao lại cho ông N quản lý, đăng ký quyền sử dụng năm 1990. Quá trình quản lý gia đình ông N cho nhiều người khác vào ở nhờ trên đất, đến năm 1992 sang nhượng lại cho bà K. Bà N quản lý phần đất tranh chấp từ năm 2006 qua việc xây tường bao chiếm.

[4] Mặt khác: Bà N và những người thừa kế của cụ T xác định đất tranh chấp có nguồn gốc không thuộc quyền sử dụng của ông N mà là đất công thổ, gia đình bà N bao chiếm sử dụng ít nhất từ năm 1975 cho đến nay. Bà N cung cấp nhân chứng như bà Chương Thị L, ông Quách B, ông Nguyễn Văn T chứng minh cho trình bày này. Tại công văn số 128/UBND-VP ngày 28/6/2017 Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm xác định đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Hải N, không nằm trong khu vực đất UBND xã quản lý – Như vậy trình bày của bà N cùng các thừa kế còn lại của cụ T, cụ H là không chính xác, không phù hợp với chứng cứ khách quan tại vụ án như đã đánh giá trên.

Với những căn cứ phân tích, án sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của Bà B, buộc bà N và những người có liên quan giao trả quyền sử dụng đất tranh chấp cho Bà B là phù hợp.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Hồng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ. Án phí dân sự phúc thẩm, bà N phải chịu theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Hồng N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc B về việc đòi lại diện tích đất 29,76m² tọa lạc ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Buộc bà Lê Hồng N, bà Lê Hồng T, bà Lê Hồng N1, bà Lê Hồng H, Lê Mỹ L, bà Lê Hồng T1, ông Lê Kim T, bà Ngô Thị N, chị Lê Hồng N, anh Lê Thanh N, anh Lê Thanh H, chị Lê Hồng Y có nghĩa vụ trả lại cho Bà B diện tích đất 29,76m² tọa lạc ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do ông Huỳnh Hải N đứng tên quyền sử dụng, đất có các phía tiếp giáp:

Hướng Đông điểm PM4 dài 6,4m tiếp giáp bức tường của ông Trần Văn S;

Hướng Tây điểm M5M6 dài 6,4m tiếp giáp đất của Bà B;

Hướng Nam điểm M4M5 dài 4,8m tiếp giáp đất của Bà B;

Hướng Bắc điểm M6P dài 4,5m tiếp giáp nhà đất của bà Lê Hồng N;

- Buộc bà Lê Hồng N, bà Lê Hồng T, bà Lê Hồng N1, bà Lê Hồng H và bà Lê Hồng T1 di dời toàn bộ vật kiến trúc, cây trồng có trên đất để trả đất cho Bà B.

(Có sơ đồ đo đạc, thẩm định đất tranh chấp ngày 04/5/2017 kèm theo)

2. Bà Nguyễn Ngọc B có nghĩa vụ trả lại công sức, thành quả lao động, tôn tạo, giữ gìn và bồi đắp trên đất cho bà Lê Hồng N, bà Lê Hồng T, bà Lê Hồng N1, bà Lê Hồng H và bà Lê Hồng T1 số tiền 8.928.000 đồng (tám triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng).

3. Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản Bà B không phải chịu, Bà B dự nộp 4.000.000 đồng được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi. Bà Lê Hồng N, bà Lê Hồng T, bà Lê Hồng N1, bà Lê Hồng H và bà Lê Hồng T1 liên đới chịu 4.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản. Bà N, bà T, bà N1, bà H và bà T1 phải có trách nhiệm nộp 4.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả lại cho Bà B.

4. Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Hồng N, bà Lê Hồng N1, bà Lê Hồng T, bà Lê Hồng H và bà Lê Hồng T1 liên đới chịu 2.529.600 đồng (*chưa nộp*)

Bà B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, ngày 10/02/2017 đã dự nộp 300.000 đồng tiền dự nộp tại biên lai số 0008515 và ngày 18/6/2017 Bà B dự nộp 300.000 đồng biên lai số 0008892 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Án phí phúc thẩm bà N không phải chịu do bà N thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Yên